TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/HS-ST
Ngày 22-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Toà án nhân dân Thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Thị xã TU xét xử sơ thẩm công Khi vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 140/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thị Diệu A, sinh năm 1999 tại: Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M L C, xã M T, huyện M T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1970 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1968; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Thái Văn V, sinh năm 1997 tại: Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Ph B 2, xã H Ph, huyện M T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn V, sinh năm 1978 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Trọng Kh, sinh năm 1997 tại: Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T H, xã T L 2, huyện T Ph, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1976; có vợ Cháng Thị Pà, sinh năm 1992; có 01 người con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 1, khu phố Ô Đ, phường T H, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Vũ Bảo E, sinh năm 1993;.

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1980;

- Ông Quách Văn Th, sinh năm 1980;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Diệu A và Thái Văn V có mối quen hệ tình cảm với nhau và cùng tạm trú tại khu phố Ô Đ, phường T H, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương. A làm thuê và giúp việc tại nhà cho bà Võ Thị Thanh N.V và Bùi Trọng Kh có mối quan hệ họ hàng với nhau.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/12/2017,V sử dụng điện thoại di động hiệu ViVo màu đen có số thuê bao là 01635107870 gọi vào số thuê bao 01253262779 điện thoại di động của A nói cho A biếtV đang thiếu một người bạn làm chung Công ty số tiền là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) nhưng không có tiền trả và nhờ A mượn tiền của người khác dùm choV, đểV trả nợ, nhưng A trả lời không biết mượn tiền của ai. Lúc này, Ah nói vớiV, bà N đang sử dụng điện thoại hiệu Iphone 7 Plus 128 GB, màu vàng hồng, A sẽ lấy trộm điện thoại của bà N đưa choV đi cầm lấy tiền trả nợ,V đồng ý. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/12/2017, khi đang quét dọn bên hông nhà, gần cửa sổ phòng ngủ của bà N, thì A nhìn thấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 128 GB, màu vàng hồng của bà N đang để trên nền đất. Lúc này, A quan sát xung quanh thấy không có người nên lấy chiếc điện thoại Iphone 7 Plus và bấm nút tắt nguồn rồi bỏ điện thoại này vào trong chậu hoa nằm gần cửa sổ phòng ngủ của bà N, sau đó A tiếp tục dọn dẹp nhà cửa. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, A xin bà N nghĩ làm về phòng trọ sớm để đi đám cưới cùng vớiV, thì bà N đồng ý và trang điểm cho A. Sau khi trang điểm xong, A đi ra vị trí chậu hoa nơi cất giấu chiếc điện thoại của bà N rồi dùng lấy chiếc điện thoại và dùng áo khoác che lại rồi đi ra cổng chờV chở đi đám cưới. Sau đó,V điều khiển xe mô ô hiệu

Wave màu xanh, biển số 36M3 – 1131 chở A về phòng trọ số 25, nhà trọ Thủy Trung thuộc khu phố Ô Đ, phường T H, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Khi đến phòng trọ củaV thìV vào đi tắm còn A ngồi ở ngoài đợi. Sau khi tắm xongV đi ra thì nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone7 Plus màu vàng hồng nằm trên niệm,V cầm điện thoại lên xem và hỏi A là "điện thoại của ai vậy" thì A nói là "mới lượm được",V mở nguồn điện thoại lên nhưng không kích hoạt được do không biết mật khẩu mở khóa, lúc nàyV tiếp tục hỏi A là "điện thoại của ai" thì A nói là "điện thoại của út N hồi bửa anh kêu em lấy đưa anh đi cầm lấy tiền trả nợ đó". Nghe vậy,V biết điện thoại hiệu Iphone7 Plus màu vàng hồng là do A đã lấy trộm của bà N nênV liền tắt nguồn điện thoại rồi bỏ vào túi xách của A và treo túi xách lên tường trong phòng trọ củaV, sau đóV chở A đi đám cưới.

Đến ngày 18/12/2017,V đem điện thoại di động Iphone 7 Plus 128 GB, màu vàng hồng của bà N đến một cửa hàng điện thoại di động (không rõ tên) thuộc phường Tân Hiệp, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương để bẻ khóa của điện thoại nhưng không được nênV đem điện thoại về cất trở lại vào túi xách của A treo trên tường trong phòng trọ củaV. Ngày 20/12/2017,V nhắn tin rủ Kh đến phòng trọ của người chú ruột là ông Thái Văn T (sinh năm 1980) tại khu nhà trọ Quốc Phong thuộc khu phố Ph H, phường Th H, Thị xã TU, Bình Dương để uống rượu. Trong lúc ngồi uống rượuV nói với Kh "em có cái điện thoại mới lấy trộm được của người quản đốc trong công ty, anh có biết tiệm điện thoại nào mở khóa điện thoại Iphone không để đem bán cho dễ" vàV hứa là khi bán được sẽ cho Kh tiền để tiêu xài. Khi ngheV nói vậy thì Kh nói là "tao biết một tiệm điện thoại Iphone ở phường Th H" và kêuV "đưa điện thoại tao coi coi" thìV lấy điện thoại từ trong túi quần ra đưa cho Kh xem. Sau khi cầm điện thoại xem xong thì Kh trả lại choV và nói vớiV "cất đi chút nhậu xong tao dẫn mày đi". Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi nhậu xong do xe của Kh bị hư nên Kh chạy về phòng trọ cất, sau đóV điều khiển xe môtô hiệu Wave màu xanh, biển số 36M3 – 1131 chở Kh ngồi phía đi đến cửa hàng điện thoại Quốc Vương ở khu phố M H, phường Th H, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương do ông Lê Văn S làm chủ. Khi đến trước cửa tiệm điện thoạiV đứng bên ngoài đợi, còn Kh mang điện thoại vào trong tiệm đưa cho ông S và nói "anh có mở khóa được điện thoại này không" thì ông S trả lời là "không có mật khẩu Icloud nên không mở được". Sau đó, Kh đi ra ngoài nói lại vớiV là không mở khóa được, rồi Kh vàV cùng đi vào trong tiệm điện thoại gặp ông S. Lúc này Kh nói với ông S là "giờ em bán máy này anh thu lại bao nhiêu" thì ông S trả lời là mua lại với giá là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) kèm theo dây sạc pin của máy,V và Kh đồng ý bán nhưng do không có dây sạc pin nên ông S chỉ mua lại điện thoại với số tiền là 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi bán được điện thoạiV chở Kh về phòng trọ của Kh, do Kh đang bận việc gấp nên nói vớiV là "thôi về đi bửa nào anh em mình tính sau" rồiV điều khiển xe đi về phòng trọV mà không chia tiền

bán điện thoại cho Kh. Sau đó,V lấy ra 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm một nghìn đồng) để trả nợ cho một người bạn tên Sỹ (không rõ nhân thân lai lịch) và cho một người bạn tên Cường (không rõ nhân thân lai lịch) mượn số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), cho A số tiền là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), số tiền còn lạiV giữ để tiêu xài cá nhân.

Ngày 18/12/2017, bà N phát hiện bị mất điện thoại di động Iphone 7 Plus 128 GB, màu vàng hồng, bà N cùng chồng tìm kiếm nhiều nơi trong nhà nhưng vẫn không tìm thấy điện thoại. Đến ngày 22/12/2017, bà N nghi ngờ A đã lấy trộm điện thoại di động của mình nên nhiều lần hỏi A và A đã Khi nhận lấy trộm điện thoại di động Iphone 7 Plus 128 GB, màu vàng hồng của bà N để đưaV đem đi bán. Sau đó, bà N đã đưa A đến trụ sở Công an phường T H, Thị xã TU để làm việc và A đã Khi nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt điện thoại của bà N. Đồng thời, Công an phường T H đã tiến hành mời Thái Văn V, Bùi Trọng Kh đến trụ sở làm việc vàV Khi nhận cùng A bàn bạc chiếm đoạt điện thoại của bà N, Kh đã Khi nhận hành vi đi tiêu thụ điện thoại do A chiếm đoạt của người khác. Công an phường T H tiến hành đã tiến hành thu giữ:

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Diệu A; 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam; 01 (Một) điện thoại di động hiệu ViVo màu trắng vàng của Phạm Thị Diệu A.

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng vàng của Bùi Trọng Kh.

- 01 (Một) xe môtô hiệu Wave, màu xanh, biển số 36M3 – 1131; 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam; 01 (Một) điện thoại di động hiệu ViVo màu đen, 01 (Một) card điện thoại Viettel trị giá 50.000đ của Thái Văn V.

- 01 (Một) hộp giấy Iphone, phía sau hộp có ghi dòng chữ Iphone 7 Plus, Rose Gold 128 GB của bà Võ Thị Thanh N.

Công an phường T H, Thị xã TU tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thị xã TU để thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 49/KLTS-TTHS ngày 08/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Thị xã TU kết luận: 01 (Một) điện thoại đi động nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128GB, màu vàng hồng và 01 (Một) ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 17.126.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thị xã TU tiến hành truy tìm vật chứng là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128GB, màu vàng hồng có ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa mà Phạm Thị Diệu A và Thái Văn V

chiếm đoạt của bà Võ Thị Thanh N. Sau đó,V cùng Bùi Trọng Kh mang điện thoại này bán cho ông Lê Văn S là chủ cửa hàng điện thoại Quốc Vương ở khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương với số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ông S Khi đã bán chiếc điện thoại này cho ông Đoàn Vũ Bảo E (sinh năm 1993) với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Ông E Khi đã bán chiếc điện thoại này cho khách qua mạng xã hội với giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thị xã TU không thể thu hồi chiếc điện thoại này được.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Thị Diệu A và Thái Văn V đã bồi thường thiệt hại cho bà Võ Thị Thanh N, bà N đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Thị Diệu A và không có yêu cầu gì khác.

Bản Cáo trạng số 139/CT-VKS.TU ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã TU, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phạm Thị Diệu A và Thái Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Bùi Trọng Kh về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng và xác định sau khi phạm tội các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Thái Văn V và Bùi Trọng Kh thành khẩn Khi báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Phạm Thị Diệu A và bị cáo Thái Văn V sau khi phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Kh hiện có con nhỏ sinh năm 2016 nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kh; áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A và bị cáoV. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử,

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Diệu A mức hình phạt từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thái Văn V mức hình phạt từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Trọng Kh mức hình phạt từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển số 36M3 – 1131, số máy 150FMH4R103280, số khung CH034UM003280; 01 (Một) điện thoại di động hiệu ViVo màu trắng vàng, số Imei 1: 863188039060214, số Imei 2: 863188039060206 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, số Imei 1: 862854036930797, số Imei 2: 862854036930789.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) hộp giấy Iphone, phía sau hộp có ghi dòng chữ Iphone 7 Plus, Rose Gold 128 GB.

- Trả lại bị cáo Phạm Thị Diệu A: Số tiền 600.000 đồng và 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Diệu A, số 366200315.

- Trả lại bị cáo Thái Văn V: Số tiền 500.000 đồng và 01 (Một) card điện thoại di động Viettel trị giá 50.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Bùi Trọng Kh: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng vàng, số Imei: 352810/09/794282, số Imei: 352811/09/794282/9.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Thái Văn V và Bùi Trọng Kh Khi nhận hình vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thị xã TU, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã TU, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời Khi của các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Thái Văn V và Bùi Trọng Kh tại phiên tòa Khi nhận phù hợp với lời Khi tại Cơ quan Điều tra, lời Khi của

các bị cáo trước sau thống nhất với nhau, phù hợp với lời Khi của bị hại về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/12/2017, tại khu phố Ô Đ, phường T H, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương, bị cáo Phạm Thị Diệu A và Thái Văn V đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Võ Thị Thanh N đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 128GB, màu vàng hồng, phía sau có gắn 01 (Một) ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa, có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.126.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Bùi Trọng Kh, ngày 20/12/2017 Bùi Trọng Kh dẫn bị cáo Thái Văn V đến cửa hàng điện thoại Quốc Vương thuộc khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, Thị xã TU, tỉnh Bình Dương để bán cho ông Lê Văn S 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus 128GB, màu vàng hồng, phía sau có gắn 01 (Một) ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa với giá là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo Kh biết rõ điện thoại di động này là tài sản do bị cáo A và bị cáoV chiếm đoạt của người khác mà có nên đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã TU truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang, nghi kỵ trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục mọi người tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng và chống tội phạm, đối với các bị cáo cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã gây ra để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với mỗi bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về vai trò: Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn cùng nhau thực hiện tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Thái Văn V và Bùi Trọng Kh có thái độ thành khẩn Khi báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo A và bị cáoV sau khi phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Kh hiện đang nuôi dưỡng con nhỏ sinh năm 2016 nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kh; áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A và bị cáoV khi quyết định hình phạt.

Xét thấy, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định cũng đủ sức tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, không gây nguy hiểm cho xã hội mà vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thị xã TU đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Đối với ông Lê Văn S là chủ cửa hàng điện thoại Quốc Vương có hành vi mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus 128GB, màu vàng hồng có ốp lưng điện thoại di động bằng nhựa do Thái Văn V và Bùi Trọng Kh mang đến bán. Ông S không biết đây là tài sản do Thái Văn V và Phạm Thị Diệu A chiếm đoạt của bà Võ Thị Thanh N. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thị xã TU không xử lý ông S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[7.1] Đối với 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển số 36M3 – 1131, số máy 150FMH4R103280, số khung CH034UM003280. Kết quả tra cứu, xe do ông Quách Văn Thịnh đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Năm 2010, ông Thịnh đã bán xe này người bạn tên An (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Kết quả tra cứu tại Phòng Cảnh sát truy nã Công an tỉnh Bình Dương xác

định xe này không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Đây là phương tiện bị cáoV sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu ViVo màu trắng vàng, số Imei 1: 863188039060214, số Imei 2: 863188039060206 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, số Imei 1: 862854036930797, số Imei 2: 862854036930789 là phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với 01 (Một) hộp giấy Iphone, phía sau hộp có ghi dòng chữ Iphone 7 Plus, Rose Gold 128 GB không còn giá trị sử dụng và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[7.4] Đối với số tiền 600.000 đồng và 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Diệu A, số 36620031 là tiền và giấy tờ tùy thân của bị cáo Phạm Thị Diệu A nên trả lại bị cáo.

[7.5] Đối với số tiền 500.000 đồng và 01 (Một) card điện thoại di động Viettel trị giá 50.000 đồng là tiền và tài sản của bị cáo Thái Văn V nên trả lại bị cáo.

[7.6] Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng vàng, số Imei: 352810/09/794282, số Imei: 352811/09/794282/9 là tài sản của bị cáo Bùi Trọng Kh nên trả lại bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Diệu A và Thái Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Bùi Trọng Kh phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Diệu A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (22/10/2018).

Giao bị cáo Phạm Thị Diệu A cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Thái Văn V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án (22/10/2018).

Giao bị cáo Thái Văn V cho Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Bùi Trọng Kh 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án (22/10/2018).

Giao bị cáo Bùi Trọng Kh cho Ủy ban nhân dân xã Tân Lập 2, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Wave, màu xanh, biển số 36M3 – 1131, số máy 150FMH4R103280, số khung CH034UM003280; 01 (Một) điện thoại di động hiệu ViVo màu trắng vàng, số Imei 1: 863188039060214, số Imei 2: 863188039060206 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu đen, số Imei 1: 862854036930797, số Imei 2: 862854036930789.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) hộp giấy Iphone, phía sau hộp có ghi dòng chữ Iphone 7 Plus, Rose Gold 128 GB.

- Trả lại bị cáo Phạm Thị Diệu A: Số tiền 600.000 đồng và 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Diệu A, số 366200315.

- Trả lại bị cáo Thái Văn V: Số tiền 500.000 đồng và 01 (Một) card điện thoại di động Viettel trị giá 50.000 đồng.

- Trả lại bị cáo Bùi Trọng Kh: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng vàng, số Imei: 352810/09/794282, số Imei: 352811/09/794282/9.

(Thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã TU, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Phạm Thị Diệu A, Thái Văn V và Bùi Trọng Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp;
- VKSND Thị xã TU;
- Công an Thị xã TU;
- Chi cục THADS Thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thành Hiệp